

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

BIÊN THỰC

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường đề trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trịnh Minh Phiếu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Ta	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2015
Ông Lê Đình Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/04/2015
Ông Ngô Văn Sửu	Thành viên	
Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 11/07/2015
Ông Nguyễn Văn Điệp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 11/07/2015

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trịnh Minh Phiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ta	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2015
Ông Lê Đình Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 11/07/2015
Ông Nguyễn Văn Điệp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 11/07/2015
Ông Nguyễn Vĩnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/04/2015

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Minh Phiếu

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ - ATAX CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN

Trụ sở chính: Lô A92 đường 30 tháng 4, Đà Nẵng
Tel: 05113. 639 639 * Fax: 05113. 639 638
Email: atax@vnn.vn
Website: www.atax.vn

VPĐD: Lầu 4, Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Q1, Tp. HCM
Tel: 08.62556668 * Fax: 08.22200823
Email: atax_hcm@vnn.vn

Số: 54 – TC16/BC-ATA X

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 02/03/2016, từ trang 4 đến trang 29 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán. Do hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt quan điểm trong xử lý kế toán, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần. Hầu hết các vấn đề tồn tại đã nêu trong Báo cáo kiểm toán năm 2014 chưa được xử lý trong năm 2015, nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2015.
2. Do hạn chế từ phía Công ty, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015. Chúng tôi cũng không thể thực hiện thủ tục kiểm toán thay thế khác để thỏa mãn tính đúng đắn và hiện hữu của tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho tại thời điểm trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính.
3. Các đội: Đội 9, Đội 10, Đội 15, Đội 16, Đội 17, Đội 18 là các đơn vị trực thuộc Công ty (đã ngừng hoạt động) nhưng không lập Báo cáo tài chính hàng năm. Công ty đang theo dõi số liệu kế toán các Đội này trên tài khoản 1388 – Phải thu khác và tài khoản 3388 - Phải trả khác. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty không phản ánh được số liệu chi tiết tài sản và nợ phải trả tại các Đội này. Trong đó, có 3 đội với số dư công nợ phải thu tại ngày 31/12/2015 với số tiền 4.182.278.947 VND và 3 đội có số dư công nợ phải trả với số tiền 579.288.626 VND chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi không thể thực hiện thủ tục kiểm toán thay thế khác để thỏa mãn tính đúng đắn các khoản nợ này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

4. Công ty chưa xây dựng phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng. Giá vốn hợp đồng xây dựng của một số công trình còn dở dang đến 31/12/2015 là số ước tính. Đối với các hợp đồng xây dựng kéo dài nhiều năm mới hoàn thành, việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hợp đồng xây dựng không nhất quán qua các năm làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hàng năm.

Ngoài ra, Công ty chưa xây dựng phương pháp ước tính giá trị sản xuất dở dang của hoạt động khai thác đá.

Đến ngày 31/12/2015, một số hợp đồng xây dựng có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn doanh thu còn được ghi nhận theo hợp đồng ban đầu là 30.559.213.664 VND. Khoản chi phí này dự kiến sẽ được bù đắp bằng phần doanh thu tăng lên do điều chỉnh giá trị của các hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá liệu phần doanh thu tăng thêm từ việc điều chỉnh có đủ để bù đắp khoản chi phí nêu trên hay không.

5. Tính đến ngày 31/12/2015 số dư các khoản phải thu khác trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 12.791.197.154 VND. Chúng tôi không có đủ bằng chứng để xác định tính đúng đắn cũng như khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này.
6. Một số công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu khối lượng từng phần nhưng Công ty chưa kết chuyển chi phí cũng như chưa ghi nhận doanh thu với số tiền 68.646.941.590 VND. Hầu hết các công trình xuất hóa đơn hạch toán doanh thu chậm hơn so với thời điểm nghiệm thu thanh toán. Trong khi đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu, kết chuyển chi phí SXKD của một số hạng mục công trình khi chưa có đủ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán với số tiền là 39.695.891.109 VND. Nếu ghi nhận doanh thu đúng kỳ thì doanh thu hợp đồng xây dựng năm 2015 sẽ tăng thêm 28.951.050.481 VND.
7. Tại ngày 31/12/2015, nhiều khoản nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để đảm bảo tính đúng đắn của các khoản công nợ chưa được xác nhận, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính.
8. Nhiều khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập thêm là 42.694.466.643 VND.
9. Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty hạch toán khoản tiền nộp chi tiêu năm 2015 cho Quận khu V và Bộ Quốc phòng vào lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo hướng dẫn tại Công văn số 3159/HD-CTC-TCĐN ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Cục Tài chính Bộ Quốc phòng. Việc phân phối này chưa phù hợp với quy định về phân phối lợi nhuận nêu tại Điều lệ Công ty.

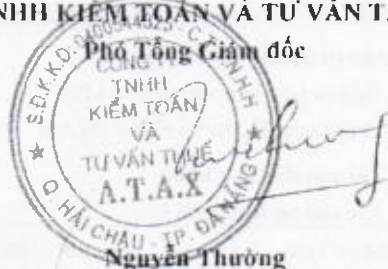
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Lý
Giấy CN dùng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3236-2015-105-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX



Nguyễn Thường
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0315-2013-105-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU B01-DN/IIN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		764.780.193.001	748.221.615.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		108.490.040.334	83.901.079.663
1. Tiền	111	V.1a	105.490.040.334	48.901.079.663
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	3.000.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		276.851.635.875	276.438.115.629
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	217.700.946.754	207.341.749.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.475.987.116	35.826.123.876
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	7.037.803.088
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	53.518.567.697	39.621.233.061
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.843.865.692)	(13.388.793.913)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	365.112.402.510	378.430.273.394
1. Hàng tồn kho	141		365.112.402.510	378.520.438.144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(90.164.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.326.114.282	9.452.146.633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	786.768.094	452.145.682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	917.081.120
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	13.539.346.188	8.082.919.831
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.605.069.335	202.053.656.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.500.000	302.703.055
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	4.500.000	302.703.055
II. Tài sản cố định	220		163.030.440.860	174.941.886.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	60.063.368.860	58.868.568.709
- Nguyên giá	222		153.181.220.467	155.058.600.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.117.851.607)	(96.190.031.369)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	102.967.072.000	116.073.318.000
- Nguyên giá	228		103.609.743.130	116.715.989.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(642.671.130)	(642.671.130)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	21.371.909.380	11.025.488.797
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6b	21.371.909.380	11.025.488.797
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.521.299.888	9.851.182.573
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	9.678.868.530	10.760.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.157.568.642)	(908.817.427)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.676.919.207	5.932.395.436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	5.676.919.207	5.932.395.436
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		963.385.262.336	950.275.271.889

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		718.758.603.525	709.297.044.647
I. Nợ ngắn hạn	310		699.802.820.934	701.260.659.295
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	128.663.201.866	133.127.463.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	260.439.220.758	189.999.757.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	19.479.986.600	15.522.399.663
4. Phải trả người lao động	314		23.561.689.277	26.299.618.551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.394.749.352	933.960.714
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	1.080.120.558
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	153.208.040.384	186.759.143.308
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	93.611.060.911	128.218.765.816
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	8.311.291.490	12.631.947.934
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.133.580.296	6.687.481.772
II. Nợ dài hạn	330		18.955.782.591	8.036.385.352
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.000.000.000	1.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	17.955.782.591	7.036.385.352
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		244.626.658.811	240.978.227.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	244.626.658.811	240.978.227.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		229.052.184.907	222.974.182.963
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.897.897.313	11.637.595.953
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		269.269.091	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	5.000.000.000
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.407.307.500	1.366.448.326
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		963.385.262.336	950.275.271.889

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Ngô Văn Sửu
Kế toán trưởng



Trịnh Minh Phiếu
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 02/03/2016

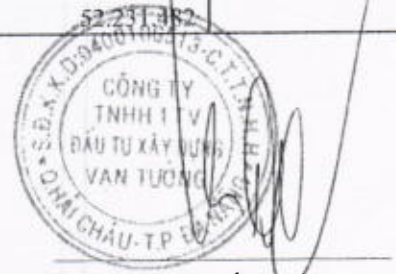
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

MẪU B02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	835.698.076.700	783.688.458.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		835.698.076.700	783.688.458.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	759.593.113.189	712.565.383.965
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		76.104.963.511	71.123.074.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.338.105.592	2.330.856.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.557.618.404	9.478.685.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.557.618.404	9.478.685.050
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		1.249.986.313	2.076.226.661
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		53.424.664.069	52.914.639.730
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		12.210.800.317	8.984.379.611
12. Thu nhập khác	31	VI.5	11.954.230.823	17.435.844.299
13. Chi phí khác	32	VI.6	4.814.082.811	7.641.552.797
14. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		7.140.148.012	9.794.291.502
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.350.948.329	18.778.671.113
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.503.453.277	4.509.303.875
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.847.495.052	14.269.367.238
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.795.263.570	14.269.367.238
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Ngô Văn Sửu
Kế toán trưởng




Trịnh Minh Phiếu
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 02/03/2016

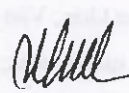
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

MẪU B03-DN/HN


Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.350.948.329	18.778.671.113
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.111.588.305	10.649.484.746
- Các khoản dự phòng	03		3.703.822.994	5.205.145.345
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.624.459.805)	(2.109.477.084)
- Chi phí lãi vay	06		11.557.618.404	9.567.728.880
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.099.518.227	42.091.553.000
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	9		(6.365.910.444)	(112.206.553.942)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		5.317.513.694	(5.524.887.048)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		23.158.357.517	83.896.775.381
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.323.449.115	2.184.660.199
- Tiền đã trả lãi vay	14		(10.439.369.360)	(1.512.320.421)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.124.915.910)	(5.474.396.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		811.084.313	20.548.402.890
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.179.836.170)	(9.195.242.069)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.599.890.982	14.807.991.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.210.908.570)	(13.669.304.571)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.081.818.183	538.181.818
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.510.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	846.416.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.129.090.387)	(18.794.706.103)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.771.000.000	2.000.000.000
3. Tiền thu đi vay	33		264.133.180.760	264.573.570.603
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(290.786.020.684)	(241.348.757.024)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(47.197.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(147.583.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.881.839.924)	25.030.032.869
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		24.588.960.671	21.043.318.609
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		83.901.079.663	62.857.761.054
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		108.490.040.334	83.901.079.663


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Ngô Văn Sửu
Kế toán trưởng




Trịnh Minh Phiếu
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 02/03/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 – DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Vạn Tường thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động dưới hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2357/QĐ-BQP ngày 21/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty được phép hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100513 cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 5 (lần thay đổi gần nhất) ngày 31 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: 105.000.000.000 VND.

Trụ sở giao dịch của Công ty đóng tại số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc là Chi nhánh, Xí nghiệp như sau:

- Xí nghiệp 103;
- Xí nghiệp 203;
- Xí nghiệp 109;
- Xí nghiệp 209;
- Xí nghiệp 309;
- Xí nghiệp 491;
- Xí nghiệp Khảo sát thiết kế;
- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty còn có các Đội thi công hoạt động xây lắp.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
Công ty CP Vatuco 309	174 Lê Đình Lý, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Bất động sản	83,75%
Công ty TNHH MTV Vatuco 378	77 Duy Tân, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Xây dựng	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- San lấp mặt bằng; Khảo sát thiết kế và tư vấn xây dựng; Trang trí nội ngoại thất;